



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ
THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC LONG AN**
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Kiểm toán • Kế toán • Tư vấn Thuế - Tài chính • Giải pháp quản lý



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ
THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC LONG AN**
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Long An công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Long An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Trường học Long An theo Quyết định số 4834/QĐ-UB ngày 09/12/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000090 ngày 12/01/2005. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 21 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/04/2019 với mã số doanh nghiệp là 1100105921. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng.

Công ty niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 22/02/2008 theo Giấy chứng nhận số 09/GCN-TTGDHN ngày 21/01/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán LBE.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 39 Hai Bà Trưng, Phường 1, Thành Phố Tân An, Tỉnh Long An.
- Điện thoại: (84) 0272. 3825094
- Fax: (84) 0272. 3834447

Ngành nghề kinh doanh

- Phát hành sách giáo khoa và các loại sách;
- Kinh doanh: hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho các nhu cầu văn hóa học tập, vui chơi giải trí lành mạnh, dụng cụ thể dục thể thao, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm;
- Mua bán nón bảo hiểm;
- Sản xuất, kinh doanh: thiết bị giáo dục, kỹ thuật, tin học, băng đĩa;
- In ấn các loại sách, ấn phẩm, ấn chỉ, các tài liệu phục vụ cho ngành giáo dục và đại chúng;
- Mua bán hàng tiêu dùng;
- Tổ chức hướng dẫn sử dụng, bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện và thiết bị trường học.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 30 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 5 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

• Ông Đặng Trung Trực	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2021
• Ông Trần Việt Thắng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/04/2021
• Ông Hoàng Đăng Tiến	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 27/06/2020 Miễn nhiệm ngày 28/04/2021
• Ông Nguyễn Văn Ngôi	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2021
• Nguyễn Phúc Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2021
• Bà Nguyễn Hoàng Yến Nhi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2021
• Ông Bùi Thành Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2021
• Ông Cao Văn Long	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27/06/2020 Miễn nhiệm ngày 28/04/2021
• Ông Nghiêm Văn Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2020 Miễn nhiệm ngày 28/04/2021

Ban Kiểm soát

• Bà Đỗ Phương Mai	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/04/2021
• Ông Nguyễn Phúc Đức	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 27/06/2020 Miễn nhiệm ngày 28/04/2021
• Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2021
• Ông Ngô Văn Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2021
• Ông Đỗ Văn Chiến	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 27/06/2020 Miễn nhiệm ngày 28/04/2021

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Văn Ngôi	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020
• Ông Bùi Văn Huỳnh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/06/2020
• Bà Lê Thị Minh Trang	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/06/2020
• Bà Trần Thị Thúy Linh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Văn Ngôi Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Ngôi

Long An, ngày 02 tháng 08 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 822 /2021/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Long An

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 02/08/2021 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Long An (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 27 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

M.S.D.N.: 0400100707
Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC
CÔNG TY
T.N.H.H
KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN
AAC
D. HẢI CHÂU, TP. ĐÀ NẴNG

Lâm Quang Tú - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 08 năm 2021

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.837.879.550	16.619.986.347
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		308.916.662	3.128.631.675
1. Tiền	111	5	308.916.662	3.128.631.675
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	-	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.419.992.199	887.880.926
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	6.556.283.959	624.534.201
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.468.254.000	204.078.693
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	395.454.240	59.268.032
IV. Hàng tồn kho	140	10	23.953.117.257	7.599.602.716
1. Hàng tồn kho	141		23.953.117.257	7.599.602.716
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		155.853.432	3.871.030
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		155.853.432	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	3.871.030
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.503.774.606	5.021.213.831
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.253.759.947	3.708.244.969
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11a	4.099.384.947	3.708.244.969
- Nguyên giá	222		6.226.592.681	5.707.165.136
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.127.207.734)	(1.998.920.167)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11b	154.375.000	-
- Nguyên giá	228		156.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.625.000)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6b	47.050.000	44.650.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		65.650.000	65.650.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(18.600.000)	(21.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.202.964.659	1.268.318.862
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.202.964.659	1.268.318.862
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		40.341.654.156	21.641.200.178

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.106.829.165	1.279.029.014
I. Nợ ngắn hạn	310		20.888.879.165	1.261.029.014
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	10.466.408.465	708.796.132
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	15.073.375	28.041.562
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	112.732.869	62.695.284
4. Phải trả người lao động	314		-	414.657.907
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		207.235	207.235
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16a	10.187.950.000	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		106.507.221	46.630.894
II. Nợ dài hạn	330		217.950.000	18.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	30.000.000	18.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16b	187.950.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.234.824.991	20.362.171.164
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	19.234.824.991	20.362.171.164
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	3.841.600.000	3.841.600.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	18	(97.722.290)	(97.722.290)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	3.273.802.042	3.188.364.729
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	1.217.145.239	2.429.928.725
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		824.361.861	721.182.463
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		392.783.378	1.708.746.262
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		40.341.654.156	21.641.200.178



Nguyễn Văn Ngõi

Long An, ngày 02 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng

Trần Thị Thúy Linh

Người lập biểu

Trần Thị Huỳnh Hồng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	28.755.350.963	14.128.664.988
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		28.755.350.963	14.128.664.988
4. Giá vốn hàng bán	11	20	25.603.542.600	12.272.859.934
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>3.151.808.363</u>	<u>1.855.805.054</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	40.062.032	121.415.384
7. Chi phí tài chính	22	22	100.883.118	8.416.209
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>103.283.118</i>	<i>4.516.209</i>
8. Chi phí bán hàng	25	23a	1.785.558.072	1.154.883.343
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23b	799.180.689	534.935.592
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>506.248.516</u>	<u>278.985.294</u>
11. Thu nhập khác	31	24	969.802	17.529
12. Chi phí khác	32		114.095	215
13. Lợi nhuận khác	40		<u>855.707</u>	<u>17.314</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>507.104.223</u>	<u>279.002.608</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	114.320.845	71.110.522
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>392.783.378</u>	<u>207.892.086</u>
18. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	70	26	333	167
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	333	167



Nguyễn Văn Ngôi

Long An, ngày 02 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng

Trần Thị Thúy Linh

Người lập biên

Trần Thị Huỳnh Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		22.810.633.018	9.671.713.761
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(37.228.296.778)	(13.106.529.654)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.877.507.872)	(1.461.229.408)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(103.283.118)	(4.817.450)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	15	-	(71.969.168)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		924.763.569	314.501.650
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(861.948.675)	(500.266.788)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16.335.639.856)	(5.158.597.057)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(613.027.545)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6a	5.000.000.000	5.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9	68.132.388	238.845.940
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.455.104.843	5.238.845.940
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	16	13.375.900.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	16	(3.000.000.000)	(136.587.500)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18	(1.315.080.000)	(1.315.080.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.060.820.000	(1.451.667.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.819.715.013)	(1.371.418.617)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	3.128.631.675	1.916.071.319
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	308.916.662	544.652.702



Nguyễn Văn Ngòi

Long An, ngày 02 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng

Trần Thị Thúy Linh

Người lập biểu

Trần Thị Huỳnh Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Long An (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Trường học Long An theo Quyết định số 4834/QĐ-UB ngày 09/12/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000090 ngày 12/01/2005. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 21 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/04/2019 với mã số doanh nghiệp là 1100105921. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 22/02/2008 theo Giấy chứng nhận số 09/GCN-TTGDHN ngày 21/01/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán LBE.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Phát hành sách giáo khoa và các loại sách;
- Kinh doanh: hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho các nhu cầu văn hóa học tập, vui chơi giải trí lành mạnh, dụng cụ thể dục thể thao, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm;
- Mua bán nón bảo hiểm;
- Sản xuất, kinh doanh: thiết bị giáo dục, kỹ thuật, tin học, băng đĩa;
- In ấn các loại sách, ấn phẩm, ấn chỉ, các tài liệu phục vụ cho ngành giáo dục và đại chúng;
- Mua bán hàng tiêu dùng;
- Tổ chức hướng dẫn sử dụng, bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện và thiết bị trường học.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hằng năm. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 (bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/06/2021).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Việc lập dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc (nguyên vật liệu, hàng hóa) bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	8

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	8

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí trả trước là tiền thuê đất và các chi phí liên quan đã trả trước cho toàn bộ thời gian thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất (50 năm);
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng.

- Thuế giá trị gia tăng:
 - Sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - Thiết bị giáo dục và sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%;
 - Văn phòng phẩm, ấn phẩm: Áp dụng thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2021	01/01/2021
Tiền mặt	132.426.044	171.988.015
Tiền gửi ngân hàng	176.490.618	2.956.643.660
Cộng	<u>308.916.662</u>	<u>3.128.631.675</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	30/06/2021		Giá trị hợp lý	01/01/2021		Giá trị hợp lý
				Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào đơn vị khác									
- Công ty CP Sách TBTH TP.Hồ Chí Minh (STC)	Đang hoạt động	0,03%	1.500	17.650.000	-	25.800.000	17.650.000	-	25.800.000
- Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh (SGD)	Đang hoạt động	0,07%	3.000	48.000.000	(18.600.000)	29.400.000	48.000.000	(21.000.000)	27.000.000
Cộng				65.650.000	(18.600.000)	55.200.000	65.650.000	(21.000.000)	52.800.000

Các Chứng khoán này đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Theo đó, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2021	01/01/2021
Nhà sách Thành Văn	2.562.578.162	-
Công ty CP Sách Và Dịch vụ Văn hóa Long An	776.737.367	-
Công ty CP Sách và TBTH Tiền Giang	131.279.410	114.820.370
Các đối tượng khác	3.085.689.020	509.713.831
Cộng	6.556.283.959	624.534.201

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh	3.468.254.000	-
Các đối tượng khác	-	204.078.693
Cộng	3.468.254.000	204.078.693

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	28.088.889	-
Phải thu người lao động	363.656.564	-	-	-
Tạm ứng	13.100.000	-	12.500.000	-
Ký quỹ, ký cược	18.697.676	-	18.679.143	-
Cộng	395.454.240	-	59.268.032	-

10. Hàng tồn kho

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	23.953.117.257	-	7.599.602.716	-
Cộng	23.953.117.257	-	7.599.602.716	-

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, đảm bảo các khoản nợ tại ngày 30/06/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định

a. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	4.217.687.689	356.791.733	1.043.622.441	89.063.273	5.707.165.136
Tăng trong kỳ	-	-	519.427.545	-	519.427.545
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	4.217.687.689	356.791.733	1.563.049.986	89.063.273	6.226.592.681
Khấu hao					
Số đầu kỳ	1.299.204.951	59.465.284	551.186.659	89.063.273	1.998.920.167
Tăng trong kỳ	76.977.308	14.866.322	36.443.937	-	128.287.567
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.376.182.259	74.331.606	587.630.596	89.063.273	2.127.207.734
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	2.918.482.738	297.326.449	492.435.782	-	3.708.244.969
Số cuối kỳ	2.841.505.430	282.460.127	975.419.390	-	4.099.384.947

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2021.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là 972.963.135 đồng.

b. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	156.000.000	156.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	156.000.000	156.000.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	1.625.000	1.625.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	1.625.000	1.625.000
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	154.375.000	154.375.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Chi phí thuê đất trả trước (*)	1.044.307.039	1.057.700.112
Chi phí sửa chữa cửa hàng	77.208.948	119.322.918
Chi phí, công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	81.448.672	91.295.832
Cộng	1.202.964.659	1.268.318.862

(*) Thuê 903,3 m² đất tại Thị trấn Tầm Vu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Long An để mở cửa hàng sách, thiết bị trường học, thời hạn thuê đến ngày 10/01/2058.

Chi phí thuê đất này đang được cầm cố để đảm bảo các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Long An tại ngày 30/06/2021.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	5.774.490.248	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.143.680.619	-
Công ty TNHH Thương mại XNK Thanh Niên	689.025.131	354.488.281
Các đối tượng khác	1.859.212.467	354.307.851
Cộng	10.466.408.465	708.796.132

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Trường THCS Thủy Tây	4.808.500	5.736.500
Trường TH Nguyễn Văn Dương	2.653.000	-
Các đối tượng khác	7.611.875	22.305.062
Cộng	15.073.375	28.041.562

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	43.717.410	66.852.146	110.569.556	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.871.030	-	114.320.845	-	-	110.449.815
Thuế thu nhập cá nhân	-	18.977.874	77.407.218	94.102.038	-	2.283.054
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	29.539.228	29.539.228	-	-
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Cộng	3.871.030	62.695.284	294.119.437	240.210.822	-	112.732.869

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	-	13.000.000.000	3.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An	-	13.000.000.000	3.000.000.000	10.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	187.950.000	-	187.950.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An	-	187.950.000	-	187.950.000
Cộng	-	13.187.950.000	3.000.000.000	10.187.950.000

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	-	375.900.000	-	375.900.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An (*)	-	375.900.000	-	375.900.000
Cộng	-	375.900.000	-	375.900.000
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-			187.950.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	187.950.000

(*) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Long An theo hợp đồng vay số 2150.2805/2021 – HĐCVDADT/NHCT700- SACH ngày 31/05/2021 với thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư mua xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu ISUZU phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất QSH Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 14453901/HĐTC ngày 05/05/2014 và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

17. Phải trả dài hạn khác

	30/06/2021	01/01/2021
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	18.000.000
Cộng	30.000.000	18.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	11.000.000.000	3.841.600.000	(97.722.290)	3.111.273.908	2.221.280.434	20.076.432.052
Tăng trong năm	-	-	-	77.090.821	1.708.746.262	1.785.837.083
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.500.097.971	1.500.097.971
Số dư tại 31/12/2020	<u>11.000.000.000</u>	<u>3.841.600.000</u>	<u>(97.722.290)</u>	<u>3.188.364.729</u>	<u>2.429.928.725</u>	<u>20.362.171.164</u>
Số dư tại 01/01/2021	11.000.000.000	3.841.600.000	(97.722.290)	3.188.364.729	2.429.928.725	20.362.171.164
Tăng trong kỳ	-	-	-	85.437.313	392.783.378	478.220.691
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	1.605.566.864	1.605.566.864
Số dư tại 30/06/2021	<u>11.000.000.000</u>	<u>3.841.600.000</u>	<u>(97.722.290)</u>	<u>3.273.802.042</u>	<u>1.217.145.239</u>	<u>19.234.824.991</u>

b. Cổ phiếu

	30/06/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	1.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	4.100	4.100
- Cổ phiếu phổ thông	4.100	4.100
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.095.900	1.095.900
- Cổ phiếu phổ thông	1.095.900	1.095.900
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	2.429.928.725	2.221.280.434
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	392.783.378	207.892.086
Phân phối lợi nhuận	1.605.566.864	1.500.097.971
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	1.605.566.864	1.500.097.971
- Trích quỹ đầu tư phát triển	85.437.313	77.090.821
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	205.049.551	107.927.150
- Chia cổ tức	1.315.080.000	1.315.080.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	<u>1.217.145.239</u>	<u>929.074.549</u>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 19/NQ-STBTH ngày 28/04/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 19/NQ-STBTH ngày 28/04/2021 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 12% /vốn điều lệ (tương ứng 1.315.080.000 đồng). Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2021.

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Doanh thu Sách giáo khoa và Sách tham khảo	18.696.377.668	9.781.662.202
Doanh thu thiết bị giáo dục	1.107.512.656	1.047.181.964
Doanh thu khác	8.951.460.639	3.299.820.822
Cộng	28.755.350.963	14.128.664.988

20. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Giá vốn sách giáo khoa và sách tham khảo	17.293.824.191	8.850.110.448
Giá vốn thiết bị giáo dục	883.476.549	812.172.364
Giá vốn khác	7.426.241.860	2.610.577.122
Cộng	25.603.542.600	12.272.859.934

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.062.032	119.465.384
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.000.000	1.950.000
Cộng	40.062.032	121.415.384

22. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí lãi vay	103.283.118	4.516.209
Hoàn nhập/dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(2.400.000)	3.900.000
Cộng	100.883.118	8.416.209

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí nhân công	960.917.076	657.696.529
Chi phí khác	824.640.996	497.186.814
Cộng	1.785.558.072	1.154.883.343

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí nhân công	370.269.261	217.140.926
Các khoản khác	428.911.428	317.794.666
Cộng	799.180.689	534.935.592

24. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Xử lý công nợ nhỏ lẻ và kiểm kê	969.802	17.529
Cộng	969.802	17.529

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	507.104.223	279.002.608
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	64.500.000	76.550.000
- Điều chỉnh tăng	67.500.000	78.500.000
- Điều chỉnh giảm (Cổ tức lợi nhuận được chia)	3.000.000	1.950.000
Tổng thu nhập chịu thuế	571.604.223	355.552.608
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	114.320.845	71.110.522

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong kỳ này	114.320.845	71.110.522
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	392.783.378	207.892.086
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(27.494.836)	(24.947.050)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	27.494.836	24.947.050
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	365.288.542	182.945.036
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.095.900	1.095.900
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	333	167

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí nhân công	1.331.186.337	874.837.455
Chi phí khấu hao tài sản cố định	129.912.567	111.259.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài	568.397.595	452.213.716
Chi phí khác bằng tiền	555.242.262	251.508.273
Cộng	2.584.738.761	1.689.818.935

28. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh sách, thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Long An, Việt Nam.

29. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá và rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Các khoản vay của Công ty là các khoản vay ngắn hạn với lãi suất ổn định và thường được trả dứt điểm trong năm. Do đó Ban Giám đốc đánh giá rằng không có rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa chủ yếu là sách, thiết bị trường học từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro về biến động giá Công ty đã ký kết các hợp đồng với mức chiết khấu phù hợp và ổn định. Mặt khác, giá cả của các mặt hàng hóa phục vụ giáo dục này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá cả hàng hóa trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các phòng giáo dục, cửa hàng, đại lý kinh doanh sách và thiết bị trường học. Với đặc thù chủ yếu là khách hàng giao dịch thường xuyên, tình hình thanh toán tiền hàng kịp thời, Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Đơn vị tính: VND		
30/06/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	10.466.408.465	-	10.466.408.465
Vay và nợ thuê tài chính	10.187.950.000	187.950.000	10.375.900.000
Phải trả khác	-	30.000.000	30.000.000
Cộng	20.654.358.465	217.950.000	20.872.308.465
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	708.796.132	-	708.796.132
Phải trả khác	-	18.000.000	18.000.000
Cộng	708.796.132	18.000.000	726.796.132

Ban Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	308.916.662	-	308.916.662
Đầu tư tài chính	-	47.050.000	47.050.000
Phải thu khách hàng	6.556.283.959	-	6.556.283.959
Phải thu khác	18.697.676	-	18.697.676
Cộng	6.883.898.297	47.050.000	6.930.948.297

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.128.631.675	-	3.128.631.675
Đầu tư tài chính	5.000.000.000	44.650.000	5.044.650.000
Phải thu khách hàng	624.534.201	-	624.534.201
Phải thu khác	46.768.032	-	46.768.032
Cộng	8.799.933.908	44.650.000	8.844.583.908

30. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Ông Nguyễn Văn Ngôi	Thù lao	10.000.000	10.000.000
	Lương, thưởng	81.052.967	78.300.248
Ông Bùi Văn Huỳnh	Lương, thưởng	76.579.480	71.888.420
	Lương, thưởng	62.511.662	59.087.130
Bà Lê Thị Minh Trang	Lương, thưởng	62.511.662	59.087.130
Ông Đặng Trung Trực	Thù lao	10.000.000	10.000.000
	Lương, thưởng	-	78.317.738
Ông Hoàng Văn Tiến	Thù lao	16.000.000	20.000.000
Ông Cao Văn Long	Thù lao	16.000.000	20.000.000
Ông Lê Chí Long	Thù lao	-	20.000.000
Ông Nghiêm Văn Thắng	Thù lao	16.000.000	-
Ông Trần Việt Thắng	Thù lao	4.000.000	-
Ông Nguyễn Phúc Đức	Thù lao	4.000.000	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến Nhi	Thù lao	4.000.000	-
Ông Bùi Thành Lâm	Thù lao	4.000.000	-

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020. Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Kế toán trưởng

Trần Thị Thúy Linh

Người lập biểu

Trần Thị Huỳnh Hồng

